

PHỤ LỤC I

ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

| TT | Danh mục dự án, công trình | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Quy mô xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư | | | | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022) | | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 đã bố trí | Giải ngân vốn NSTT năm 2022 đến ngày 31/01/2023 | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 còn lại chưa giải ngân và giải ngân sang năm 2023 | Nguyên nhân không giải ngân hết Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 | Lý do đề xuất kéo dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----------|---|---|----------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|---|--------------------|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|--------------------------------------|---|---|---|--|---|--|-----------------------------------|---------|
| | | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTT | | | | | | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTT | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | |
| | TỔNG SỐ | | | | | | 517.164 | 441.240 | 150.775 | 135.775 | 185.253 | 167.513 | 17.740 | 6.108 | | | | | | |
| I | DANH MỤC ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 | | | | | | 152.022 | 97.043 | 36.292 | 36.292 | 61.873 | 53.316 | 8.557 | 6.108 | | | | | | |
| 1 | Đầu tư các hạng mục dở dang của các gói thầu thuộc Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Cà Mau | 7906494; 7894284; 7904526; 7899202; 7899204 | TP. Cà Mau | 06 hạng mục | 2021 - 2022 | 2968/QĐ-UBND ngày 26/8/2021; 1853/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 267/QĐ-UBND ngày 18/01/2021; 2170/QĐ-UBND ngày 25/6/2021; 1307/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; 2002/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 | 37.328 | 18.859 | | | 12.000 | 9.955 | 2.045 | 2.045 | Do mưa nhiều gây ngập tụt tại khu vực thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thi công nên không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau | Dự kiến tháng 4/2023 hoàn thành | |
| 2 | Dự án đầu tư xây dựng một số hạng mục tại các Trạm kiểm soát Biên phòng Đá Bạc, Bò Đê, Hố Giú và Khánh Hội | 7004686 | Các huyện: TVT, NH, ĐD, UM | Công trình dân dụng cấp III | 2019 - 2022 | 1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1257/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 | 23.993 | 23.993 | 17.800 | 17.800 | 5.920 | 4.994 | 926 | 926 | Do dự án thi công gần cửa biển, thường xuyên bị tác động của thủy triều nên ảnh hưởng tới tiến độ thi công dự án | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng | Dự kiến tháng 9/2023 hoàn thành | |
| 3 | Dự án xây dựng bờ kè, nhà để ca nô dẫn Biên phòng Khánh Hội và bờ kè khu đất nhà ca nô sau cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh | 7004686 | H. U Minh và TP Cà Mau | Công trình Nông nghiệp và PTNT cấp IV | 2021 - 2023 | 865/QĐ-SNN ngày 11/6/2021 | 3.573 | 3.573 | 200 | 200 | 3.335 | 3.102 | 233 | 233 | Do dự án thi công gần cửa biển, thường xuyên bị tác động của thủy triều nên ảnh hưởng tới tiến độ thi công dự án | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng | Dự kiến tháng 9/2023 hoàn thành | |
| 4 | Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn | | Tỉnh Cà Mau | Quy hoạch | | | 47.128 | 10.618 | 3.449 | 3.449 | 10.618 | 7.451 | 3.167 | 718 | Một số quy hoạch có tiến độ thực hiện chậm; một số quy hoạch đã tạm dừng thực hiện | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân khai danh mục và kế hoạch vốn sau khi kéo dài | | |
| 5 | Thanh toán khối lượng tồn đọng khi quyết toán và thu hồi các khoản ứng trước vốn ngân sách trung ương không đủ điều kiện để bố trí kế hoạch vốn ngân sách trung ương | | | | | | 40.000 | 40.000 | 14.843 | 14.843 | 30.000 | 27.814 | 2.186 | 2.186 | Các chủ đầu tư chậm gửi hồ sơ đề nghị cấp vốn thanh toán khối lượng tồn đọng khi quyết toán cho các dự án | Tiếp tục thanh toán khối lượng tồn đọng khi quyết toán cho các dự án | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai danh mục và kế hoạch vốn sau khi kéo dài | | |
| II | DANH MỤC KHÔNG ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 | | | | | | 365.142 | 344.197 | 114.483 | 99.483 | 123.380 | 114.197 | 9.183 | | | | | | | |
| <i>a</i> | <i>Danh mục đủ điều kiện kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nhưng không có nhu cầu tiếp tục thực hiện</i> | | | | | | <i>190.245</i> | <i>175.245</i> | <i>71.620</i> | <i>56.620</i> | <i>70.474</i> | <i>68.552</i> | <i>1.922</i> | | | | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2 | 7578614 | H. U Minh | Các hạng mục | 2016 - 2022 | 540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2018; 1682/QĐ-UBND ngày 02/10/2019; 5053/UBND-XD ngày 03/9/2021 | 63.060 | 48.060 | 23.000 | 8.000 | 5.000 | 4.676 | 324 | | Giảm giá sau đấu thầu và cắt giảm chi phí dự phòng không sử dụng | | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | |
| 2 | Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn lên cầu cống Kênh Lý, bờ kè chống sạt lở hai bên bờ kênh thượng hạ lưu cống Kênh Lý, cầu Lung Ứng, bãi tránh xe tuyến đê Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi | 7875797 | H. Đầm Dơi | Các hạng mục công trình | 2021 - 2022 | 1646/QĐ-SNN ngày 08/10/2021 | 5.050 | 5.050 | | | 5.000 | 4.641 | 359 | | Giảm giá sau đấu thầu và cắt giảm một phần chi phí dự phòng không thực hiện | | | Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT | Dự án đã hoàn thành tháng 02/2023 | |

| TT | Danh mục dự án, công trình | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Quy mô xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư | | | | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022) | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 đã bố trí | Giải ngân Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 đến ngày 31/01/2023 | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 còn lại chưa giải ngân để xuất kế dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | Nguyên nhân không giải ngân hết Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 | Lý do để xuất kế dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Chủ đầu tư | Ghi chú | | | |
|----------|--|----------|-------------------|---------------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------|--------------------|--------------------------------|---|--------------------------------------|--|---|---|---|--|------------------------------------|--|--|---------|--------------------|--------------------------------|--------------------|
| | | | | | | Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | | | | | | | | | | | Trong đó: vốn NSTT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTT |
| | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTT | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | | | | |
| 3 | Nạo vét tuyến kênh đoạn từ Đồi cơ động quân lý bảo vệ rừng đến Đồi quân lý bảo vệ rừng T21 Vườn Quốc gia U Minh Hạ | 7951820 | H. Trần Văn Thời | 4,5 km | 2021 - 2023 | 2038/QĐ-SNN ngày 18/11/2021 | 1.051 | 1.051 | | | 653 | 517 | 136 | | Cắt giảm một phần khối lượng không thực hiện | | | Vườn Quốc gia U Minh Hạ | Dự án đã hoàn thành tháng 8/2022 | | | | |
| 4 | Dự án đầu tư mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển (đoạn từ cầu kênh Huê đến đường vào Cảng cá Rạch Gốc) | 7868692 | H. Ngọc Hiển | 2.150 m | 2021 - 2023 | 389/QĐ-SXD ngày 30/10/2020 | 13.607 | 13.607 | 8.000 | 8.000 | 4.846 | 4.825 | 21 | | Cắt giảm một phần chi phí thẩm tra sau quyết toán của Sở Tài chính | | | Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển | Dự án đã hoàn thành tháng 03/2022 | | | | |
| 5 | Công trình xây dựng tuyến đường số 5 theo quy hoạch trung tâm xã Đất Mũi (đoạn từ cầu Lạch Vàm đến UBND xã Đất Mũi), huyện Ngọc Hiển | 7902924 | H. Ngọc Hiển | 550 m | 2021 - 2023 | 1393/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 | 12.614 | 12.614 | | | 10.000 | 9.855 | 145 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | | | |
| 6 | Công trình Nhà làm việc Huyện ủy Năm Căn và các cơ quan Đoàn thể huyện | 7871420 | H. Năm Căn | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 629/QĐ-SXD ngày 30/12/2020 | 11.996 | 11.996 | 5.000 | 5.000 | 6.500 | 6.462 | 38 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn | Dự án đã hoàn thành tháng 11/2022 | | | | |
| 7 | Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời | 7882636 | H. TVT | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 392/QĐ-SXD ngày 30/10/2020 | 11.936 | 11.936 | 6.100 | 6.100 | 4.200 | 4.074 | 126 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời | Dự án đã hoàn thành tháng 5/2022 | | | | |
| 8 | Trụ sở hành chính xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời | 7882637 | H. TVT | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 385/QĐ-SXD ngày 29/10/2020 | 14.386 | 14.386 | 5.100 | 5.100 | 7.375 | 7.242 | 133 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời | Dự án đã hoàn thành tháng 5/2022 | | | | |
| 9 | Trụ sở hành chính xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời | 7882901 | H. TVT | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 393/QĐ-SXD ngày 30/10/2020 | 13.948 | 13.948 | 5.100 | 5.100 | 8.100 | 7.656 | 444 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời | Dự án đã hoàn thành tháng 5/2022 | | | | |
| 10 | Trụ sở hành chính xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời | 7876632 | H. TVT | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 384/QĐ-SXD ngày 29/10/2020 | 14.396 | 14.396 | 5.320 | 5.320 | 7.100 | 6.943 | 157 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời | Dự án đã hoàn thành tháng 8/2022 | | | | |
| 11 | Trụ sở hành chính xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn | 7871418 | H. Năm Căn | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 381/QĐ-SXD ngày 28/10/2020 | 14.974 | 14.974 | 7.000 | 7.000 | 7.500 | 7.475 | 25 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | | | |
| 12 | Trụ sở hành chính xã Tân Thành, thành phố Cà Mau | 7865174 | TP. Cà Mau | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 414/QĐ-SXD ngày 30/10/2020 | 13.227 | 13.227 | 7.000 | 7.000 | 4.200 | 4.186 | 14 | | Cắt giảm một phần khối lượng không thực hiện | | | Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau | Dự án đã hoàn thành tháng 02/2023 | | | | |
| b | Danh mục không đủ điều kiện kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | | | | | | 174.897 | 168.952 | 42.863 | 42.863 | 52.906 | 45.645 | 7.261 | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường từ cầu 7 Kênh (tuyến kênh 18) đến điểm du lịch sinh thái Sông Trẹm | 7639406 | H. U Minh | 3.016 m | 2021 - 2023 | 2255/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 | 49.703 | 49.703 | 25.747 | 25.747 | 16.500 | 16.062 | 438 | | Đã thanh toán hết khối lượng thi công nhưng chưa hoàn thành hồ sơ điều chỉnh giá nên không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao | | | Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông | - Dự án có bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn - Dự án đã hoàn thành tháng 01/2023 | | | | |
| 2 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ đường Phan Ngọc Hiển đầu nối vào Dự án Khu dân cư Minh Thắng) | 7890565 | TP. Cà Mau | 293m | 2021 - 2022 | 1854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố | 29.724 | 23.779 | | | 13.000 | 12.403 | 597 | | Do vướng công tác GPMB; đồng thời, khu vực thi công thường xuyên ngập nước, triều cường dâng cao so với nhiều năm trước gây khó khăn khi lắp đặt hệ thống thoát nước ảnh hưởng đến tiến độ thi công | | | Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau | - Dự án có bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn - Dự án dự kiến hoàn thành tháng 12/2023 | | | | |
| 3 | Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025 | 7899880 | Tỉnh Cà Mau | Mua sắm thiết bị | 2021 - 2025 | 2282/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 | 36.365 | 36.365 | 9.716 | 9.716 | 8.000 | 7.622 | 378 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Văn phòng Tỉnh ủy | Dự án có bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn | | | | |
| 4 | Dự án xây dựng Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tỉnh Cà Mau | 7936405 | Tỉnh Cà Mau | 265 cụm loa cho 35 xã, thị trấn | 2021 - 2023 | 2673/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 | 16.000 | 16.000 | | | 8.000 | 6.052 | 1.948 | | Gần cuối năm mới hoàn thành công tác đấu thầu và xác định mức giảm giá sau đấu thầu nên không kịp triển khai thực hiện các công việc tiếp theo để giải ngân hết kế hoạch vốn được giao | | | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án có bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn | | | | |
| 5 | Dự án Trung tâm điều hành dịch vụ đô thị thông minh (IOC) (thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư) | | TP. Cà Mau | Mua sắm và lắp đặt thiết bị | 2022 - 2024 | 1731/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 | 28.138 | 28.138 | | | 1.056 | 1.031 | 25 | | Đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư nên không có nhu cầu thanh toán | | | Sở Thông tin và Truyền thông | Dự án có bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn | | | | |

| TT | Danh mục dự án, công trình | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Quy mô xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư | | | | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022) | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 đã bố trí | Giải ngân Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 đến ngày 31.01/2023 | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 còn lại chưa giải ngân để xuất khẩu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | Nguyên nhân không giải ngân hết Kế hoạch vốn NSTT năm 2022 | Lý do đề xuất kéo dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|----|--|----------|-------------------|---------------------|----------------------------------|--|--------------------|--------------------------------|--------------------|---|--------------------------------------|--|---|---|---|-------------------------------------|--|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành | | TMĐT | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTT | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 6 | Trụ sở hành chính xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn | 7871422 | H. Năm Căn | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 376/QĐ-SXD ngày 27/10/2020 | 14.967 | 14.967 | 7.400 | 7.400 | 6.350 | 2.475 | 3.875 | | Do nhà thầu không đảm bảo năng lực thi công nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện | | | Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn | Dự án có bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn |

PHỤ LỤC II

ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN XỎ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

| TT | Danh mục dự án, công trình | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Quy mô xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư | | | | Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022) | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 đã bố trí | Giải ngân Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 đến ngày 31/01/2023 | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 còn lại chưa thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | Nguyên nhân không giải ngân hết Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 | Lý do đề xuất kéo dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Chủ đầu tư | Ghi chú | | |
|---|---|----------------|-------------------|---|----------------------------------|---|--------------------------------|--------------------|--------------------------------|---|--------------------------------------|--|---|--|--|--|--|--|---|-----------------------------------|--|
| | | | | | | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | | | | | | | | | | Trong đó: vốn XSKT | |
| | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn XSKT | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | |
| TỔNG SỐ | | | | | | | 4.128.315 | 1.275.113 | 289.175 | 21.739 | 189.484 | 179.707 | 9.777 | 5.056 | | | | | | | |
| I DANH MỤC ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 | | | | | | | 112.903 | 51.851 | | | 45.483 | 40.373 | 5.110 | 5.056 | | | | | | | |
| 1 | Trường THCS Lâm Hải, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn | 7939302 | H. Năm Căn | Công trình dân dụng | 2022 - 2023 | 207/QĐ-SXD ngày 25/10/2021 | 1.600 | 1.600 | | | 1.500 | 1.242 | 258 | 258 | Tiến độ thi công chậm | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn | Hàng mục chính đã hoàn thành tháng 6/2022, phần hạng mục phát sinh dự kiến hoàn thành tháng 5/2023 | | |
| 2 | Trường Tiểu học Trịnh Minh Hương, xã Nguyễn Phích | 7911721 | Xã Nguyễn Phích | Công trình dân dụng | 2020 - 2022 | 1184/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 | 8.510 | 8.510 | | | 7.500 | 7.479 | 21 | 21 | Tiến độ thi công chậm | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | |
| 3 | Trường Mẫu giáo xã Lâm Hải | 7939014 | Xã Lâm Hải | Công trình dân dụng | 2022 | 399/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 | 6.988 | 6.988 | | | 6.000 | 5.786 | 214 | 214 | Tiến độ thi công chậm | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn | Dự án dự kiến hoàn thành tháng 4/2023 | | |
| 4 | Trường Tiểu học 1 Khánh Hải, xã Khánh Hải | 7951695 | Xã Khánh Hải | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 3675/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 | 14.953 | 14.953 | | | 10.683 | 10.571 | 112 | 112 | Có phát sinh hạng mục đề phát huy hiệu quả đầu tư | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thới | - Do cắt giảm một số chi phí không thực hiện và giảm giá sau đấu thầu nên nhu cầu vốn bố trí thấp hơn nhu cầu vốn phê duyệt). - Dự án hoàn thành tháng 02/2023 | | |
| 5 | Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn đầu tư phát triển) | Nhiều danh mục | Cà Mau | Các danh mục | 2022 - 2025 | 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 | 36.876 | 3.700 | | | 3.700 | | 3.700 | 3.700 | Đến tháng 11 mới được phân bổ kế hoạch vốn cho xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thới thực hiện nên không kịp giải ngân kế hoạch thực hiện và giải ngân sang năm 2023 tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023. Do đó, đề xuất HĐND tỉnh xem xét cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân Kế hoạch vốn đối ứng NSDP thực hiện các CTMTQG năm 2022 sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện tương tự với Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023, đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng NSDP hàng năm theo quy định. | Vốn NSTW năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch năm 2021 đã được kéo dài sang năm 2022) thực hiện 03 CTMTQG đã được Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023. Do đó, đề xuất HĐND tỉnh xem xét cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân Kế hoạch vốn đối ứng NSDP thực hiện các CTMTQG năm 2022 sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện tương tự với Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023, đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng NSDP hàng năm theo quy định. | | | | | |
| 6 | Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn đầu tư phát triển) | Nhiều danh mục | Cà Mau | Các danh mục | 2022 - 2025 | 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 | 30.070 | 3.100 | | | 3.100 | 2.913 | 187 | 187 | Tiến độ thi công chậm | | | | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai danh mục và kế hoạch vốn sau khi kéo dài | | |
| 7 | Đổi ứng thực hiện Kế hoạch Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Cà Mau | Nhiều danh mục | Cà Mau | Trồng rừng 4.045,3ha và các hạng mục khác | 2022 - 2023 | 2326/QĐ-UBND ngày 12/9/2022; 2631/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 | 3.906 | 3.000 | | | 3.000 | 2.419 | 581 | 527 | Việc trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng mất nhiều thời gian do thực hiện theo quy trình lâm sinh nên không kịp thời giải ngân kế hoạch vốn được giao; đồng thời có cắt giảm một số chi phí không thực hiện | Thanh toán khối lượng thực hiện | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai danh mục và kế hoạch vốn sau khi kéo dài | | | |
| 8 | Thanh toán khối lượng tồn đọng khi quyết toán | Nhiều danh mục | Cà Mau | Các dự án, công trình | 2022 - 2023 | Nhiều quyết định | 10.000 | 10.000 | | | 10.000 | 9.963 | 37 | 37 | Các chủ đầu tư chậm giải hồ sơ để nghị cấp vốn thanh toán khối lượng tồn đọng khi quyết toán cho các dự án | Tiếp tục thanh toán khối lượng tồn đọng khi quyết toán cho các dự án | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai danh mục và kế hoạch vốn sau khi kéo dài | | | |
| II DANH MỤC KHÔNG ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 | | | | | | | 4.015.412 | 1.223.262 | 289.175 | 21.739 | 144.001 | 139.334 | 4.667 | | | | | | | | |
| <i>a Danh mục đủ điều kiện kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nhưng không có nhu cầu tiếp tục thực hiện</i> | | | | | | | <i>413.073</i> | <i>142.081</i> | <i>287.398</i> | <i>19.962</i> | <i>102.216</i> | <i>100.349</i> | <i>1.867</i> | | | | | | | | |
| 1 | Trường THCS Võ Thị Sáu, huyện Phú Tân | 7886904 | H. Phú Tân | Công trình dân dụng | 2021 - 2022 | 539/QĐ-SXD ngày 20/11/2020 | 14.929 | 14.929 | 10.000 | 10.000 | 4.536 | 4.508 | 28 | | Cắt giảm một phần khối lượng không thực hiện | | | | Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân | Dự án đã hoàn thành tháng 4/2022 | |
| 2 | Trường Tiểu học Tắc Văn (Khu B), xã Tắc Văn | 7903567 | Xã Tắc Văn | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 3551/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 | 7.513 | 7.513 | | | 7.000 | 6.621 | 379 | | Cắt giảm một phần khối lượng không thực hiện | | | | Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | |
| 3 | Trường Tiểu học Phường 6/2, thành phố Cà Mau | 7903805 | Phường 6 | Công trình dân dụng | 2021 - 2022 | 1900/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 | 9.356 | 9.356 | | | 5.689 | 5.517 | 172 | | Cắt giảm một phần khối lượng không thực hiện | | | | Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | |

| TT | Danh mục dự án, công trình | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Quy mô xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư | | | | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022) | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 đã bố trí | Giải ngân vốn XSKT năm 2022 đến ngày 31/01/2023 | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 còn lại chưa giải ngân để xuất khẩu dài | Nguyên nhân không giải ngân hết Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 | Lý do để xuất khẩu dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp để xuất khẩu dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Chủ đầu tư | Ghi chú | | |
|----------|--|----------|---|------------------------------|----------------------------------|--|--------------------|--------------------------------|--------------------|---|--------------------------------------|---|---|--|---|--------------------------------------|---|--|---|--------------------------------|--------------------|
| | | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | | TMDT | | | | | | | | | | | | Kế hoạch vốn XSKT | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn XSKT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn XSKT | | | | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn XSKT |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | |
| 4 | Trường Tiểu học Hùng Vương, phường 5 | 7903568 | Phường 5 | Công trình dân dụng | 2021 - 2022 | 1901/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 | 3.829 | 3.829 | | | 1.311 | 1.142 | 169 | | Cắt giảm một phần khối lượng không thực hiện | | | Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | |
| 5 | Trường Mầm non Rang Đông, xã Tác Văn | 7952042 | Xã Tác Văn | Công trình dân dụng | 2021 - 2022 | 3552/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 | 12.214 | 12.214 | | | 10.000 | 9.904 | 96 | | Cắt giảm một phần khối lượng không thực hiện | | | Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau | Dự kiến hoàn thành tháng 04/2023 | | |
| 6 | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố, xã Nguyễn Phích | 7915191 | Xã Nguyễn Phích | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 1272/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 | 5.466 | 5.466 | | | 4.487 | 4.483 | 4 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh | Dự án đã hoàn thành tháng 11/2022 | | |
| 7 | Trường Tiểu học 3 Khánh Bình Tây Bắc | 7951693 | Xã Khánh Bình Tây Bắc | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 3671/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 | 8.370 | 8.370 | | | 6.333 | 6.302 | 31 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | |
| 8 | Dự án mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2020-2021 | 7888077 | TP Cà Mau và các huyện: TB, TVT, NH, UM, CN, PT, DD | Mua sắm trang thiết bị y tế | 2020 - 2022 | 2531/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1342/UBND-XD ngày 14/3/2022 | 45.456 | 15.351 | 26.549 | | 14.700 | 14.683 | 17 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Sở Y tế | Dự án đã hoàn thành tháng 09/2022 | | |
| 9 | Dự án đầu tư trang thiết bị xử lý chất thải y tế (thiết bị hấp chất thải lây nhiễm) cho các bệnh viện, trung tâm y tế huyện, thành phố Cà Mau chưa được trang bị | 7907114 | Trên địa bàn tỉnh Cà Mau | Công trình dân dụng, cấp III | 2021-2023 | 97/QĐ-SXD ngày 11/6/2021 | 11.946 | 11.946 | 9.962 | 9.962 | 1.300 | 1.272 | 28 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Sở Y tế | Dự án đã hoàn thành tháng 02/2022 | | |
| 10 | Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân | 7827447 | H. Phú Tân | Công trình dân dụng | 2022 | 2110/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 | 6.070 | 6.070 | | | 5.600 | 5.472 | 128 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân | Dự án đã hoàn thành tháng 01/2023 | | |
| 11 | Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nông thôn từ UBND xã đến cầu Lã Danh, xã Hòa Tân | 7941833 | Xã Hòa Tân | 2.400m | 2022 - 2023 | 3750/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 | 9.094 | 9.094 | | | 8.000 | 7.999 | 1 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | |
| 12 | Đường GTNT tuyến bờ Đông Vàm Công Nghiệp, xã Khánh Hưng (đoạn từ lộ nhựa Cà Mau - Sông Đốc đến cầu Bảy Gà Mỏ) | 7947101 | Xã Khánh Hưng | 5.555,36m | 2022 - 2023 | 5261/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 | 14.876 | 14.876 | | | 13.800 | 13.796 | 4 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời | Dự án đã hoàn thành tháng 8/2022 | | |
| 13 | Tuyến lộ GTNT ấp Chà Lã, Bông Súng và ấp Nhà Hội đầu nối tuyến đường trung tâm xã Hiệp Tùng đến xã Tam Giang (đoạn Lầm Ngự Trường 184 - Kinh 17) | 7945868 | Xã Tam Giang | 6.700 m | 2021 - 2023 | 466/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 | 11.055 | 11.055 | | | 7.460 | 7.250 | 210 | | Giảm giá sau đấu thầu | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | |
| 14 | Dự án xây dựng kê tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây | 7738766 | H. U Minh | 9.700m kê, trồng 75,4ha rừng | 2018 - 2022 | 1741/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 2419/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 | 252.899 | 12.012 | 240.887 | | 12.000 | 11.400 | 600 | | Dự án đã kết thúc nhưng công tác chăm sóc và bảo vệ rừng chưa đủ thời gian nghiệm thu để thanh toán theo quy định | | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Dự án đã hoàn thành tháng 12/2022 | | |
| b | Danh mục không đủ điều kiện kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | | | | | | 3.602.339 | 1.081.181 | 1.777 | 1.777 | 41.785 | 38.985 | 2.800 | | | | | | | | |
| 1 | Trường Mẫu giáo Hòa Mĩ, xã Hưng Mỹ | 7922210 | Xã Hưng Mỹ | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 3707/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 | 14.999 | 14.999 | | | 11.000 | 10.899 | 101 | | Do nhà thầu không đảm bảo năng lực thi công nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước | - Huyện đã bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài kế hoạch vốn. - Dự kiến tháng 4/2023 sẽ thực hiện hoàn thành | | |
| 2 | Trường Tiểu học Cái Nước 1, thị trấn Cái Nước | 7922209 | TT. Cái Nước | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 3711/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 | 14.996 | 14.996 | | | 11.000 | 10.450 | 550 | | Do nhà thầu không đảm bảo năng lực thi công nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước | - Huyện đã bố trí vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài kế hoạch vốn. - Dự kiến tháng 4/2023 sẽ thực hiện hoàn thành | | |
| 3 | Trường Tiểu học Đá Bạc, xã Khánh Bình Tây | 7951694 | Xã Khánh Bình Tây | Công trình dân dụng | 2021 - 2023 | 3670/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 | 10.126 | 10.126 | | | 5.285 | 4.581 | 704 | | Do nhà thầu không đảm bảo năng lực thi công nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện | | | Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời | Huyện có bố trí vốn năm 2023 (tính dự kiến bố trí vốn tăng thu XSKT năm 2022 trong tháng 03/2022) nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn | | |
| 4 | Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh (thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư) | 7602257 | TP. Cà Mau | 1.200 giường | 2021 - 2025 | | 3.322.575 | 975.262 | 1.777 | 1.777 | 10.000 | 9.995 | 5 | | Đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư nên không có nhu cầu thanh toán | | | Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng | Dự án có bố trí Kế hoạch vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn | | |
| 5 | Cải tạo, mở rộng Trụ sở Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Cái Nước | 7929927 | H. Cái Nước | Công trình dân dụng | 2022 - 2024 | 280/QĐ-SXD ngày 30/11/2021 | 8.678 | 8.678 | | | 4.000 | 3.060 | 940 | | Do nhà thầu không đảm bảo năng lực thi công nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện | | | Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước | - Có nhu cầu kéo dài sang năm 2023 nhưng không thuộc trường hợp được kéo dài kế hoạch vốn do đã được bố trí vốn năm 2023. - Dự kiến tháng 3/2023 sẽ thực hiện hoàn thành | | |

| TT | Danh mục dự án, công trình | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Quy mô xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư | | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022) | | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 đã bố trí | Giải ngân Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 đến ngày 31/01/2023 | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 còn lại chưa giải ngân và giải ngân sang năm 2023 | Nguyên nhân không giải ngân hết Kế hoạch vốn XSKT năm 2022 | Lý do đề xuất kéo dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Chủ đầu tư | Ghi chú | | | |
|----|--|----------|-------------------|-----------------|----------------------------------|---|--------------------------------|---|--------------------------------|--------------------------------------|--|---|--|--|--|--|------------|--|---|--------------------------------|--------------------|
| | | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | | | | | | | | | Trong đó: vốn XSKT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn XSKT |
| | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn XSKT | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | | |
| 6 | Đổi ứng Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức (KfW) | 7731818 | H. U Minh | 9.917 m | 2017 - 2025 | 5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017; 823/QĐ-BNN ngày 11/03/2019; 2986/QĐ-BNN-HTQT ngày 05/8/2022 | 230.965 | 57.120 | | | 500 | | 500 | | Do vướng mắc trong việc xác định trách nhiệm giữa Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tư vấn hỗ trợ dự án trong việc thực hiện các công việc quan trọng nên chưa thể triển khai thực hiện dự án | | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Dự án có bố trí Kế hoạch vốn năm 2023 nên không thuộc trường hợp được kéo dài vốn | | |

PHỤ LỤC III

ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

| TT | Danh mục dự án, công trình | Kế hoạch vốn năm 2022 đã bố trí | Giải ngân Kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023 | Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | Lý do đề xuất kéo dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Số dự án thuộc Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | Ghi chú |
|----------|---|---------------------------------|---|--|---|---|--|--|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| A | VỐN ĐẦU TƯ CỦA HUYỆN, THÀNH PHỐ CÀ MAU | 397.035 | 392.056 | 4.979 | 953 | | | | |
| 1 | Huyện Cái Nước | 28.807 | 28.245 | 562 | 251 | Tiếp tục thanh toán khối lượng để thực hiện hoàn thành dự án | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | 1 | Còn lại 01 danh mục với kế hoạch vốn 50 triệu đồng không thuộc trường hợp được phép kéo dài và 11 danh mục với kế hoạch vốn 261 triệu đồng đã hoàn thành, không có nhu cầu kéo dài kế hoạch vốn |
| 2 | Huyện Đầm Dơi | 46.755 | 46.508 | 247 | 27 | Tiếp tục thanh toán khối lượng để thực hiện hoàn thành dự án | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | 2 | Còn lại 10 danh mục với kế hoạch vốn 220 triệu đồng đã hoàn thành, không có nhu cầu kéo dài kế hoạch vốn |
| 3 | Huyện Trần Văn Thờ | 56.330 | 55.850 | 480 | 136 | Tiếp tục thanh toán khối lượng để thực hiện hoàn thành 03 quy hoạch | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | 3 | Còn lại 12 danh mục với kế hoạch vốn 344 triệu đồng đã hoàn thành, không có nhu cầu kéo dài kế hoạch vốn |
| 4 | Huyện U Minh | 33.481 | 33.341 | 140 | 13 | Tiếp tục thanh toán khối lượng để thực hiện hoàn thành dự án | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | 1 | Còn lại 10 danh mục với kế hoạch vốn 127 triệu đồng đã hoàn thành, không có nhu cầu kéo dài kế hoạch vốn |

| TT | Danh mục dự án, công trình | Kế hoạch vốn năm 2022 đã bố trí | Giải ngân Kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/01/2023 | Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | Lý do đề xuất kéo dài sang năm 2023 | Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ) | Số dự án thuộc Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 | Ghi chú |
|----------|---|---------------------------------|---|--|---|--|--|--|--|
| 5 | Huyện Ngọc Hiển | 26.194 | 24.288 | 1.906 | 526 | Tiếp tục thanh toán khối lượng để thực hiện (01 dự án, 01 quy hoạch) | Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | 2 | Còn lại 04 danh mục với kế hoạch vốn 800 triệu đồng không thuộc trường hợp được phép kéo dài và 09 danh mục với kế hoạch vốn 580 triệu đồng đã hoàn thành, không có nhu cầu kéo dài kế hoạch vốn |
| 6 | Huyện Năm Căn | 31.686 | 30.042 | 1.644 | | | | | Bao gồm 01 danh mục với kế hoạch vốn 562 triệu đồng không thuộc trường hợp được phép kéo dài và 12 danh mục với kế hoạch vốn 1.082 triệu đồng đã hoàn thành, không có nhu cầu kéo dài kế hoạch vốn |
| 7 | Huyện Phú Tân | 23.870 | 23.870 | 0 | | | | | |
| 8 | Huyện Thới Bình | 36.674 | 36.674 | 0 | | | | | |
| 9 | Thành phố Cà Mau | 113.238 | 113.238 | 0 | | | | | |
| B | VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ (TỰ CÂN ĐỐI THU, CHI) | 2.535 | 0 | 2.535 | 2.535 | | | | |
| I | Huyện Trần Văn Thời | 2.535 | 0 | 2.535 | 2.535 | | | 1 | |
| a | <i>Nguồn thu vượt tiền sử dụng đất năm 2021</i> | 2.535 | 0 | 2.535 | 2.535 | | | 1 | |
| 1 | Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp tuyến bờ kè trước Trụ sở Huyện ủy đến bến tàu (cũ) | 2.535 | 0 | 2.535 | 2.535 | Tiếp tục thanh toán khối lượng để thực hiện hoàn thành dự án | Theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ | | |